

VỀ KIỂU CÂU CHỦ TÌNH THẾ TRONG TIẾNG VIỆT

THS NGUYỄN THỊ VĂN ANH

Abstract: In Vietnamese there is a type of sentences which describe the state of things, but the predicates of the sentences are action verbs with characteristics: [+ active, + intent]. The grammatical structure of this sentence includes 3 elements: subject, predicate and complement/ adverb. The predicate has the form [+active], [+ intent], but it expresses a static and not intentional situation ([-active], [-intentional]).

Keywords: *Situation, status, type of sentence, sentence structure.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt có một kiểu câu diễn tả trạng thái của sự vật, sự việc nhưng vị ngữ của câu lại vốn là động từ hành động với các đặc trưng [+ động, + chủ ý]. Kiểu câu này xuất hiện với tần số khá cao trong lời ăn tiếng nói hàng ngày, trong các văn bản, nhất là trong các văn bản nghệ thuật. Thí dụ các cách nói dưới đây rất thông dụng:

- Bài đã **đăng** tạp chí Ngôn ngữ.
- Cơm vừa **nấu** xong.
- Nhà sẽ **sơn** lại kịp đón Tết.

Trong các ngôn ngữ khác cũng có kiểu câu tương tự. Chẳng hạn, tiếng Hán có các cách nói:

- 桌子放在门口。(Cái bàn **đặt** ở cổng.)
- 水烧开了。(Nước đun sôi rồi.)
- 饭煮好了。(Cơm **nấu** xong rồi.)
- 房子拆掉了。(Căn phòng **dỡ** bỏ rồi.)
- 玩具弄坏了。(Đồ chơi **phá** hỏng rồi.)

Đây là kiểu câu mà cho đến nay giới chuyên môn còn nhiều tranh cãi trong việc xác định các thành phần câu. Vì hình thức đặc biệt của chúng mà có ý kiến cho rằng đây là *câu bị động* [16]. Mặt khác, lại có ý kiến cho đây là *câu không có chủ ngữ với tân ngữ đứng đầu câu* [12]. Bài viết này nhằm điểm lại các quan điểm trước nay, từ đó nêu kiến giải trong phân tích cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa của kiểu câu đặc biệt này.

2. Khái quát các nghiên cứu đi trước

Xung quanh vấn đề kiểu câu mà chúng tôi đang xét, đã có một số quan điểm khác nhau trong việc xác định kiểu câu và các thành phần câu.

Quan điểm thứ nhất: Câu không có chủ ngữ

Đại diện cho quan điểm này là Nguyễn Minh Thuyết trong bài viết

Câu không chủ ngữ với tân ngữ đứng đầu [12, 40-46]. Tác giả cho rằng đây là kiểu câu không có chủ ngữ với bổ ngữ trực tiếp chỉ đối tượng được đảo lên trước và động từ tác động đi sau làm vị ngữ. Sở dĩ kết luận như vậy là bởi vì tiêu chí nhận diện chủ ngữ của tác giả triệt để dựa vào “*khuôn kiến trúc nguyên nhân*”. Tác giả phân biệt chủ ngữ với bổ ngữ thông qua phép thử hình thức. Theo Nguyễn Minh Thuyết, hai thành phần câu này có thái độ cú pháp khác nhau khi nòng cốt được đưa vào khuôn kiến trúc nguyên nhân (thủ pháp nguyên nhân hoá), với vị từ trung tâm là các động từ khiến động như *bắt, buộc, khiến, sai, nhờ, v.v...* hoặc các động từ đánh giá, nhận thức như: *cho (là), coi (là), v.v...* Chỉ có chủ ngữ mới có thể đứng sau vị từ trung tâm của khuôn kiến trúc nguyên nhân khi đưa nòng cốt vào khuôn. [12, 40-46].

Trong các thí dụ: *Nhà đang xây; Nhà xây rồi*, vì “*nhà*” không có khả năng làm bổ ngữ thể từ tính khi đưa vào khuôn kiến trúc nguyên nhân, tác giả đã không thừa nhận tư cách chủ ngữ của nó.

Quan điểm thứ hai: Câu bị động hoặc câu tồn tại

Theo quan điểm này có các tác giả: Nguyễn Kim Thán (1977), Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam [16], Lê Xuân Thai (1989).

Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam [16] cho rằng kiểu câu trên đây là *câu tồn tại*, một kiểu loại câu bị động. Sách *Ngữ pháp tiếng Việt* cho biết “trong tiếng Việt, có thể nhận thấy sự chuyển đổi phổ biến hơn từ *câu hoạt động* thành *câu tồn tại*.” [16]. Thí dụ:

- Báo nhân dân đã đăng bài đó.
chuyển đổi thành:

- Bài đó đã đăng trên báo Nhân dân.;

- Người ta treo bức tranh trên tường.
chuyển đổi thành:

- Bức tranh treo trên tường.

Câu tồn tại được giải thích là câu trong đó: “*danh từ vốn có thể dùng làm phụ tố đối tượng trong một câu hoạt động được dùng làm phần đề để biểu thị sự vật tồn tại ở một nơi nhất định, và sự tồn tại được hiểu là kết quả của một hoạt động*.” [16, 182].

Lê Xuân Thai (1989; 1994) trong công trình *Câu chủ - vị tiếng Việt* cũng cho rằng các câu như:

- Bữa cơm đã dọn ra.

- Ngôi nhà này xây bằng gạch.

là những câu bị động vắng bị/ được do “*chủ ngữ của câu biểu thị đối tượng hành động chứ không phải là chủ thể hành động*” [10].

Quan điểm thứ ba: Câu đề thuyết

Đây là quan điểm của Cao Xuân Hạo trong cuốn *Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng* [4]. Trong khi phân tích câu:

- Cái máy ép đã lắp xong.

Tác giả đã bác bỏ quan điểm cho rằng *cái máy ép* là bổ ngữ trực tiếp chỉ đối tượng của vị từ *lắp* được đảo lên phía trước: “*Không thể nói danh ngữ cái máy ép... là bổ ngữ được nữa, vì nó không có cái đặc tính định nghĩa của bổ ngữ: vị trí ngay sau vị từ*”. Còn nếu coi bổ ngữ có thể đứng trước vị từ, “*thì sẽ không còn cách gì phân biệt bổ ngữ trực tiếp với chủ ngữ và*

trạng ngữ không có giới từ.” [4, 161]. Ông còn nhận định rằng, tham tố thứ nhất (tức chủ ngữ) có địa vị ưu tiên hơn tham tố thứ hai (tức bổ ngữ) của khung vị ngữ trong khả năng được chọn làm đề. Không thể gán cho *cái máy ép* “bất cứ một cương vị ngữ pháp hình thức nào ngoài cái cương vị cú pháp vốn là định nghĩa của nó”: phần đề [4, 162].

Điều đáng lưu ý là dường như Cao Xuân Hạo đã không nhất quán quan điểm của mình khi xác định phần đề trong các câu dưới đây:

- *Bệnh nhân ở phòng 102 đã mổ xong.*

- *Bao nhiêu lu hương, chân nến trên bàn thờ đều đã đánh kĩ.*

“là đối thể của hành động do vị từ của thuyết biểu thị.” [4, 215].

Cao Xuân Hạo không “trình bày bằng những thuật ngữ truyền thống” mà ông đã tách kiểu câu trên thành hai phần đề và thuyết. Rút cục, ông vẫn thừa nhận vị từ trong kiểu câu này là các động từ biểu thị hành động, còn danh từ đi trước biểu hiện đối thể của hành động.

Quan điểm thứ tư: Câu phi ngoại động

Nguyễn Hồng Côn và Bùi Thị Diên [2] nhận thấy sự phức tạp trong việc xác định cấu trúc chủ động hay bị động của các câu: *Cửa mở rồi. Cầu đang xây. Nhà cửa cuốn sạch.* Nên trong bài viết *Dạng bị động và vấn đề câu bị động trong tiếng Việt* hai tác giả đã thực hiện các phép cải biến:

(1) Thêm vào trước vị từ một thể từ để tất cả các câu trên mất đi ý nghĩa bị động. Chẳng hạn:

- *Cửa mở rồi.* > *Cửa mẹ mở rồi.*

- *Cầu đang xây.* > *Cầu thợ đang xây.*

- *Nhà cửa cuốn sạch.* > *Nhà cửa lũ cuốn sạch.*

Các câu mới tạo thành là các câu chủ động, các thể từ *cửa, cầu, nhà* đã chuyển từ chủ ngữ sang khởi ngữ của câu.

(2) Thêm *được/ bị* vào sau thể từ, các câu trên sẽ thành bị động chính danh:

- *Cửa mở rồi.* > *Cửa được mở rồi.*

- *Cầu đang xây.* > *Cầu đang được xây.*

- *Nhà cửa cuốn sạch.* > *Nhà cửa bị cuốn sạch.*

Từ đó, hai tác giả kết luận kiểu câu này là “một cấu trúc trung gian giữa cấu trúc chủ động và cấu trúc bị động chứ chưa phải là cấu trúc bị động điển hình” và gọi đây là “cấu trúc phi ngoại động”. [2, 93].

Tuy nhiên, những phép biến đổi bằng cách thêm thể từ chỉ chủ thể hay thêm các từ *bị, được* đã không còn giữ được đặc điểm cấu trúc và đặc điểm ngữ nghĩa vốn có của câu (đó là tình trạng của chủ thể đứng trước được nêu ở vị ngữ phía sau)

Quan điểm thứ năm: Câu theo kết cấu chủ - vị thông thường

Trái với quan điểm cho rằng đây là kiểu câu không có chủ ngữ của Nguyễn Minh Thuyết, một số tác giả

khác lại cho rằng đây là câu có đầy đủ các thành phần nòng cốt. Sự khác biệt của chúng so với những câu tiếng Việt thông thường được quy định bởi tính chất của động từ là vị ngữ của câu. Đó là sự khác biệt của nghĩa biểu hiện mà vị từ mang lại.

Nguyễn Văn Hiệp [6] trong cuốn *Cú pháp tiếng Việt* cho rằng kiểu câu này có thể xác định rõ các thành phần chủ - vị. Trờ lại các thí dụ: *Nhà đang xây.*; *Nhà xây rồi.*, động từ *xây* được tác giả xác định là vị ngữ. Bằng chứng rõ nhất là động từ *xây* kết hợp với các hư từ thời, thể *đang*, *rồi*. Trong phương pháp xác định chủ ngữ của tác giả, nếu sau khi xác định được vị ngữ mà trong nòng cốt chỉ còn lại một thành tố thì thành tố đó mặc nhiên là chủ ngữ. Câu trên được phân tích thành:

Nhà đang xây.;

C - V

Nhà xây rồi.,

C - V

Nhưng tác giả vẫn chưa cho thấy kiểu câu này khác biệt như thế nào về ngữ nghĩa và ngữ dụng với kiểu câu C-V chỉ hành động. Chẳng hạn, sự khác biệt giữa câu: *Nhà đang xây*; *Nhà xây rồi* với câu: *Nó xây nhà* như thế nào?

Quan điểm thứ sáu: Câu chỉ tình thế

Tập thể tác giả sách *Ngữ pháp lớp 5, 6*, cũng cho rằng có thể phân tích kết cấu chủ - vị của kiểu câu này [15]. Tuy nhiên, xét về mặt nghĩa biểu hiện, kiểu câu này được gọi là *câu tình thế*. "Tình thế" ở đây được hiểu là trạng

thái do hành động đưa lại hoặc là kết quả của hành động. Đây không phải câu biểu hiện hành động, do đó không chỉ có động từ mà bao giờ cũng có những thành phần phụ là một tham thể bắt buộc đứng sau động từ.

Trong bài viết *Vị từ tiếng Việt với việc biểu hiện sự tình động và tĩnh*, Bùi Minh Toán cũng gọi kiểu câu này là *câu tình thế*. Tác giả mô tả kết cấu của câu tình thế là "thường có ba thành tố: ở giữa là vị từ vốn biểu hiện một sự tình động (hành động), thành tố đi trước vị từ vốn thể hiện đối thể của hành động ấy, sau vị từ có một hay một số thành tố thể hiện hoàn cảnh (thời gian, không gian, kết quả, mức độ, sự hoàn thành...). Nhưng khi tham gia kết cấu này, vị từ đã chuyển hóa và mang đặc trưng (- động), còn tham thể đi trước cũng không còn đóng vai đối thể nữa. Thí dụ: *Xe đã chữa xong.*" [14, 9].

Tác giả cũng so sánh những câu tình thế trong tiếng Việt với câu tương đương trong tiếng Nga: *Письмо уже написано* (*Thư viết xong rồi*). Ở câu tiếng Nga, vị ngữ được chuyển hóa từ ngoại động từ thể hoàn thành (*написано*: *viết*) thành dạng thức tính động từ bị động quá khứ ngắn đuôi (nghĩa là đã có một số đặc tính của tính từ). Chỉ có điều, ở tiếng Nga, sự chuyển hóa đó đã được thể hiện bằng sự biến đổi bên trong từ, còn ở câu tiếng Việt từ làm vị ngữ bản thân không biến đổi hình thức, nhưng lại cần các thành tố khác chỉ kết quả hay sự hoàn thành (*đã*, *xong*, *rồi*) hay chỉ hoàn cảnh (thời gian, địa điểm, phương tiện, v.v...).

Từ đó tác giả đi đến xác định: thành tố danh từ ở đầu câu là chủ ngữ biểu hiện vai nghĩa *đương thể* (thể mang đặc điểm, tính chất hay ở trạng thái, tình thế nào đó), còn vị tố biểu hiện tình thế như là kết quả của một hành động hay quá trình. *Các thành tố phụ cho vị tố là cần thiết để thể hiện nghĩa tình thế.*

Trên đây, chúng tôi đã điểm lại sáu quan điểm trong giới nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt về một kiểu câu còn có nhiều tranh cãi. Về các quan điểm này, ý kiến riêng của chúng tôi như sau:

Trước hết, chúng tôi không tán thành quan điểm cho rằng đây là kiểu câu khuyết chủ ngữ. Bởi vì, động từ đảm nhiệm vai trò là vị từ trong kiểu câu này không biểu thị hành động (sự tình động) mà đã chuyển hóa biểu thị một tình thế, một trạng thái (sự tình tĩnh). Xin nêu hai thí dụ để phân biệt:

(1) *Chín giờ tối chủ nhật mới điểm danh mà chỉ dám nán ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải bắt khởi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã.*

(Bảo Ninh)

(2) *Cò gà, cò trắng, cò xanh, cò ma, ... buộc từng xâu, chắt nằm hàng đồng.*

(Đoàn Giỏi)

Trong thí dụ (1), các vị từ *nán ná, bắt, chạy* đều biểu thị hành động (của nhân vật "tôi" trong truyện) mà chủ ngữ không xuất hiện nên đây là câu khuyết chủ ngữ. Còn ở thí dụ (2), các vị từ *buộc, chắt* vốn là những động từ biểu thị hành động của con người đã chuyển hóa biểu thị trạng thái của "cò gà, cò trắng, cò xanh, cò ma"

nên câu này không thể coi là khuyết chủ ngữ.

Quan điểm coi đây là câu bị động và giải pháp cải biến thành câu *phi ngoại động* của Nguyễn Hồng Côn và Bùi Thị Diên [2] đều mặc nhiên thừa nhận các vị từ là động từ/ biểu thị hành động.

Chúng tôi cũng cho rằng kiểu câu đang xét là câu có kết cấu chủ - vị thông thường. Tuy nhiên, quan điểm này đã không làm rõ tính chất của vị từ trong kiểu câu này (*Nhà đang xây, Nhà xây rồi*) và vì thế không phân biệt được đặc trưng của kiểu câu này so với các câu có kết cấu chủ - vị dạng: *Nhà, tôi đang xây*. Mặt khác, rất dễ hiểu lầm các vị từ trong kiểu câu là hành động của chủ thể phía trước dẫn đến kết quả câu vô nghĩa.

Hướng phân tích kiểu câu này thành phần đề và phần thuyết (Cao Xuân Hạo [4]; Ủy ban khoa học xã hội [16]) là một hướng đi khác với cách làm của chúng tôi. Các tác giả theo hướng này phân tích câu theo cấu trúc cú pháp còn chúng tôi phân tích câu theo nghĩa biểu hiện/ tính chất biểu hiện sự tình của vị từ. Nhưng nhìn từ góc độ đánh giá tính chất của vị từ, Cao Xuân Hạo xác định vị từ (của phần thuyết) trong kiểu câu này diễn tả hành động. Còn Ủy ban Khoa học xã hội lại xác định vị từ chỉ là "kết quả của một hoạt động" chứ không phải hoạt động. Ý nghĩa của thuật ngữ *câu tồn tại* mà Ủy ban Khoa học xã hội đặt ra có sự liên hệ với tên gọi *câu chỉ tình thế* mà chúng tôi sử dụng.

Trong bài viết này, chúng tôi tán đồng quan điểm thứ sáu (quan điểm của nhóm tác giả Tổ Ngôn ngữ học

và Bùi Minh Toán) ở việc xác định các vị từ trong câu không diễn tả hành động mà biểu thị trạng thái, tình thế của chủ thể được nêu ở chủ ngữ. Vì vậy, chúng tôi gọi kiểu câu này là “*câu chỉ tình thế*” trong tiếng Việt. “Tình thế” ở đây được hiểu là trạng thái do hành động đưa lại hoặc là kết quả của hành động. Đây không phải câu biểu hiện hành động, do đó động từ làm vị ngữ trong câu chỉ diễn tả “tình thế” của sự vật, sự việc được nêu.

3. Một số đặc điểm của kiểu câu chỉ tình thế trong tiếng Việt

3.1. Vị từ trong câu chỉ tình thế nhất thiết là động từ vốn mang bản chất ngoại động và thể hiện hành động tác động đến sự vật ở chủ ngữ. Thí dụ:

(3) *Bữa cơm dọn sau một ngày*

CN VN BN

nắng chàng. (Ma Văn Kháng)

Trong thí dụ (3), *dọn* là vị từ làm vị ngữ. Nếu tách khỏi ngữ cảnh này (ở dạng từ điển) nó là một ngoại động từ biểu hiện một hành động tác động đến thực thể đi trước. Nhưng ở trường hợp đang xét, *dọn* đã chuyển hóa thành vị từ tình thế.

Vị từ trong câu chỉ tình thế bị giới hạn bởi những động từ biểu thị hành vi, động tác của con người có thể gây ra những tác động nhất định đối với các sự vật, sự việc, hiện tượng trong thế giới khách quan. Do đó, những động tác này thường là các động tác của tay, chân, mồm miệng,... hoặc những hoạt động cơ bản của con người. Những từ ngữ biểu thị tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ không thể làm vị từ trong câu chỉ tình thế.

Câu chỉ tình thế có thể phục vụ cho các mục đích nói và hành động ngôn ngữ khác nhau chứ không đơn thuần là miêu tả và khẳng định tình thế của chủ thể. Chẳng hạn:

- Phủ định tình thế: *Tiền học tháng cuối cùng thì chưa thu được* (Nam Cao); *Áo mặc không qua khỏi đầu* (thành ngữ).

- Nghi vấn tình thế: *Những tám biển ấy cắm ở đâu?*; *Nguyễn Duy sinh năm nào?*

- Cảm thán tình thế: *Nhà của đốt mẹ nó rồi còn gì!*

3.2. Thành phần đứng trước vị từ luôn mang danh từ tính (danh từ, cụm danh từ, đại từ). Thành tố này biểu hiện một thực thể vốn là đối tượng của hành động ở vị từ, đóng vai trò chủ ngữ.

Trong câu (3), đối tượng được miêu tả về “tình thế” là “*bữa cơm*” và “*bữa cơm*” mới thực sự là chủ ngữ của câu. Điều khác biệt cơ bản giữa câu chỉ tình thế với câu trần thuật thông thường là chủ ngữ không gây ra hành động mà là sự vật ở tình thế nhất định.

Câu trên không có các trợ từ biểu thị trạng thái bị động: *bị, được* nên cần phân biệt với câu bị động (có trợ từ *bị/ được*). Nếu chêm xen các từ *bị, được* vào giữa chủ ngữ và vị ngữ sẽ làm mất đi ý nghĩa riêng của câu nói. Nội dung thông báo của câu chính là “tình thế” của bữa cơm được “*dọn*”. Ai “*dọn*” bữa cơm không được nhắc đến và hoàn toàn không quan trọng. Cái nội dung được nhấn mạnh trong câu chính là ở thành phần bổ ngữ của câu: “*sau một ngày nắng chàng*”.

Chủ ngữ trong câu chỉ tình thế thường là danh từ, cụm danh từ (chỉ người hoặc vật). Chủ ngữ vốn là đối thể của hành động, nhưng trong câu tình thế, nó chuyển vai thành thực thể được mô tả đặc trưng tình thế. Thực thể chịu sự tác động của vị từ chỉ động tác. Do vậy, chủ ngữ trong câu chỉ tình thế chỉ có thể là đối tượng chịu tác động, chứ không thể là đối tượng gây ra hành động. Xét thí dụ sau:

(4) *Bệnh nhân ở phòng 102 đã mổ xong.*

(Thí dụ dẫn theo Cao Xuân Hạo)

Trong câu (4), nếu ta thay chủ ngữ *bệnh nhân* bằng *bác sĩ*, câu sẽ trở thành một câu chủ động thông thường.

(4a) *Bác sĩ ở phòng 102 đã mổ xong.*

Còn nếu ta thêm trợ động từ *được*, câu sẽ trở thành câu bị động:

(4b) *Bệnh nhân ở phòng 102 đã được mổ xong.*

Chính vì lý do này, chủ ngữ trong câu chỉ tình thế rất hiếm khi chỉ người. Bởi vì, nó được hạn chế bởi những nhóm đối tượng ít có khả năng gây ra tác động.

3.3. Trong câu chỉ tình thế cần có một trong hai loại thành tố thứ ba: đó là bổ ngữ hoặc trạng ngữ. (Không thể nói: *Bữa cơm dọn; Bức tranh treo.*).

Đi kèm với vị từ cần có các bổ ngữ do các phó từ chỉ thời gian đảm nhiệm, như: *đã, mới, vừa, v.v...* hoặc là các phó từ chỉ kết quả, biểu thị sự kết thúc của hành động, như: *rồi, xong, v.v...*

Chủ ngữ + (phó từ chỉ thời gian)
+ Vị từ + (phó từ chỉ kết quả)

“Tình thế” của một sự vật, sự việc chính là trạng thái thường được tạo ra bởi một hành động đã kết thúc hoặc vừa diễn ra. Do vậy, “tình thế” là hiện tại; nhưng phó từ chỉ thời trong câu chỉ tình thế thường là chỉ thời quá khứ. Thí dụ:

(5) *Trời rét, cổng ngoài đã đóng chặt.*

(Trần Đăng)

(6) *Tên này mới đặt... Cái tên cũ thấy nhiều quá rồi.*

(Nguyễn Tuân)

(7) *Bát cháo húp xong rồi, Thi Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa.*

(Nam Cao)

Trong cấu trúc của câu chỉ tình thế, ngoài thành phần bắt buộc: chủ ngữ, vị ngữ còn có các thành phần bổ ngữ, trạng ngữ biểu hiện một tham thể trong sự tình, nói rõ trạng huống, tình thế của sự vật. Thí dụ:

(8) *Súng ống để bên cạnh.*

(Anh Đức)

(9) *Bức thư viết bằng mực tím, nét chữ ngoằn ngoèo và to cỡ cộp.*

(Anh Đức)

3.4. Về mặt phong cách, câu chỉ tình thế là kiểu câu người nói, người viết đưa ra sự nhận định hoặc miêu tả. Đây là một cách diễn đạt có tính văn chương, mang theo yếu tố cá nhân hoặc phong cách riêng biệt của người nói. Nó là kiểu câu đặc biệt, dễ làm cho người đọc hiểu mơ hồ, vì vậy nó không thích hợp với phong cách khoa học, hành chính, báo chí, những kiểu loại văn bản đòi hỏi tính chính xác,

minh bạch trong diễn đạt. Câu chỉ tình thể thường xuất hiện trong khẩu ngữ, các tác phẩm văn học, các thể loại văn bản tự sự, nghị luận. Cụ thể là trong lối văn tả cảnh, tả vật, bình luận về các sự vật, sự việc, tình huống, v.v... Diễn đạt trong câu chỉ tình thể là lối diễn đạt bóng bẩy, hàm ngôn. Trong mỗi câu chỉ tình thể đều hàm ẩn về sự nhận xét và đánh giá có tính chủ quan của người nói về đối tượng. Chẳng hạn như những câu tình thể dưới đây thật khó có thể thay thế bằng kiểu câu chủ động thông thường.

(10) *Sợi dây căng chéo một góc sân...*

(Ma Văn Kháng)

(11) *Một đồng tiền tung theo dòng nước...*

(Chu Văn)

(12) *Cuốn sách đọc đến trang gần cuối...*

(Trần Huy Quang)

4. Thay lời kết

Trên bình diện ngữ pháp, có thể thấy câu chỉ tình thể có một kết cấu chặt chẽ gồm ba thành phần: *chủ ngữ*, *vị ngữ* và *bổ ngữ/ trạng ngữ*. Từ đó có thể khái quát hóa thành cấu trúc chỉ tình thể với ba thành tố: *chủ ngữ* biểu hiện một thực thể ở vào một tình thể nhất định, *vị ngữ* biểu hiện một tình thể như là hệ quả của một hành động, còn *bổ ngữ/ trạng ngữ* thể hiện những chi tiết cụ thể của tình thể.

Trên bình diện ngữ nghĩa, câu chỉ tình thể là một kiểu câu hết sức đặc biệt vì vị từ có hình thức [+động], [+chủ ý] nhưng lại diễn đạt một sự tình tĩnh và không có chủ ý ([-động],

[-chủ ý]). Bổ ngữ/ trạng ngữ là tham thể bắt buộc và chính là thành phần đặc biệt quan trọng trong câu chỉ tình thể. "Tình thể" là hiện trạng về không gian, thời gian, kết quả, mức độ, sự hoàn thành, được nói rõ ở bổ ngữ/ trạng ngữ.

Trên bình diện ngữ dụng, câu chỉ tình thể chủ yếu được phục vụ cho mục đích miêu tả, trần thuật sự tình, cảnh huống của đối tượng. Nhưng cũng có khi nó được dùng vào mục đích phủ định, nghi vấn hoặc cảm thán. Kiểu câu này được ưa dùng trong phong cách văn chương và nghị luận mà không thích hợp với văn bản khoa học, hành chính.

Nhìn rộng ra một số ngôn ngữ khác (tiếng Nga, tiếng Hán), cũng tồn tại những câu có mô hình ngữ pháp tương tự kiểu câu chỉ tình thể trong tiếng Việt. Vì thế, việc nghiên cứu câu chỉ tình thể trong tiếng Việt còn có thể là những gợi ý cho việc nghiên cứu một mô hình câu tương ứng của các ngôn ngữ trên thế giới và rút ra đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt ngày nay* (Luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn), Trường ĐHSP I, H., 1980.

2. Nguyễn Hồng Côn, Bùi Thị Diên, *Dạng bị động và vấn đề câu bị động trong tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, Số 7, Số 8, 2004.

3. Nguyễn Hồng Côn, *Cấu trúc cú pháp tiếng Việt: Chủ - Vị hay Đề - Thuyết?*, T/c Ngôn ngữ, Số 2, 2009,

Báo cáo tại Hội thảo quốc tế về Việt Nam học lần 3 tại Hà Nội, Tháng 12 năm 2008.

4. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Tập 1, Nxb KHXH, Tp. HCM, 1991, tái bản 2004.

5. Cao Xuân Hạo, *Câu và kết cấu chủ - vị*, T/c Ngôn ngữ, Số 13, 2002.

6. Nguyễn Văn Hiệp, *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2009.

7. Nguyễn Thị Lương, *Câu tiếng Việt*, Nxb ĐHSP, H., 2009.

8. Nhiều tác giả, *Ngữ pháp tiếng Việt những vấn đề lý luận*, Nxb KHXH, H., 2008.

9. Nguyễn Thị Quy, *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó (So sánh với tiếng Nga và tiếng Anh)*, Nxb KHXH, Tp. HCM, 1995.

10. Lê Xuân Thái, *Câu chủ vị trong tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1994.

11. Nguyễn Kim Thân, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Tập 2, Nxb KHXH, H., 1964.

12. Nguyễn Minh Thuyết, *Câu không chủ ngữ với tân ngữ đứng đầu*, T/c Ngôn ngữ, Số 1, 1981.

13. Tiểu ban Tiếng Việt trong nhà trường (Hội Ngôn ngữ học Tp HCM), *Ngữ pháp chức năng, cấu trúc đề thuyết và ngữ pháp tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, Số 14, 2005.

14. Bùi Minh Toán, *Vị từ tiếng Việt với việc biểu hiện sự tình động và tĩnh*, T/c Từ điển học và Bách khoa thư, Số 4, 2011.

15. Tổ Ngôn ngữ học Đại học Tổng hợp, Đại học Sư phạm, *Ngữ pháp lớp 6*, Tập 2, Nxb GD, H., 1963.

16. Ủy ban Khoa học Xã hội, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1983.